

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Văn Đơn.
- Ông Nguyễn Văn Du.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Cao Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 274/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phùng Thị Phương T, sinh năm 1992; địa chỉ: Số C, đường N, tổ H, khu phố F, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tường T1, sinh năm 1983; địa chỉ: Số C, đường N, tổ H, khu phố F, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 5 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phùng Thị Phương T trình bày:

Bà Phùng Thị Phương T và ông Nguyễn Tường T1 kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 153, quyền số 01/2010, ngày 31 tháng 12 năm 2010. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, ông Nguyễn Tường T1 và bà Phùng Thị Phương T chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Khoảng từ năm 2023 đến nay, bà T và ông T1 mặc dù sống chung nhà nhưng cả hai không còn tình cảm với nhau, cả hai chỉ sống chung trong gia đình để chăm sóc các con. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn được và vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tường T1.

Về con chung: Bà Phùng Thị Phương T và ông Nguyễn Tường T1 có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh M, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2009; Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2012; Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2019. Khi ly hôn, bà T yêu cầu Tòa án giao 03 con chung cho ông Nguyễn Tường T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phùng Thị Phương T và ông Nguyễn Tường T1 tự thỏa thuận, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Tường T1: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Tường T1 không đến Tòa án tham gia tố tụng; không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Phương T; không có yêu cầu phản tố đối với vụ án.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 29 tháng 5 năm 2025, cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh M và cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh N có nguyện vọng được sống cùng với ông T1.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Phùng Thị Phương T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Tường T1 đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 05 tháng 5 năm 2025, bà Phùng Thị Phương T có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Tường T1 nên đây là vụ án “*ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bị đơn ông Nguyễn Tường T1 đang cư trú tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự*: Bị đơn ông Nguyễn Tường T1 đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 07 tháng 7 năm 2025 và ngày 25 tháng 7 năm 2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phùng Thị Phương T và ông Nguyễn Tường T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 153, quyển số 01/2010, ngày 31 tháng 12 năm 2010. Hôn nhân của bà T và ông T1 là hợp pháp.

Bà Phùng Thị Phương T trình bày: Sau khi kết hôn, ông Nguyễn Tường T1 và bà Phùng Thị Phương T chung sống hạnh phúc; đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Khoảng từ năm 2023 đến nay, bà T và ông T1 mặc dù sống chung nhà nhưng cả hai không còn tình cảm với nhau, cả hai chỉ sống chung để chăm sóc các con; nhận thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn được và vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tường T1. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Tường T1 để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông T1 không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, điều này chứng tỏ ông T1 không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà Phùng Thị Phương T và ông Nguyễn Tường T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Phương T về việc ly hôn với ông Nguyễn Tường T1.

[2.2] *Về con chung*: Bà Phùng Thị Phương T và ông Nguyễn Tường T1 có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh M, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2009; Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2012; Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2019.

Bà T yêu cầu Tòa án giao 03 con chung cho ông T1 nuôi dưỡng, ông T1 không có ý kiến trình bày với Tòa án về con chung. Hiện nay, cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh M và cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh N có nguyện vọng được sống cùng với ông T1. Hội đồng xét xử xét thấy để tạo điều kiện cho các con chung của bà T và ông T1 được sống cùng với nhau, để các chị em được yêu thương, chăm sóc nhau; đồng thời tôn trọng ý kiến các con chung, cần giao 03 con chung của bà T và ông T1 cho ông T1 nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phùng Thị Phương T và ông Nguyễn Tường T1 tự thỏa thuận giải quyết, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phùng Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị Phương T đối với bị đơn ông Nguyễn Tường T1.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị Phương T được ly hôn đối với ông Nguyễn Tường T1 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 153, quyển số 01/2010, ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Ủy ban nhân dân phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương cấp).

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh M, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2009; Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2012; Nguyễn

Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2019 cho ông Nguyễn Tường T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt vấn đề giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt vấn đề giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phùng Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001926 ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân phường H (nay là Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố Hồ Chí Minh);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hằng